

Bản án số: 316/2023/DS-ST
Ngày: 30-8-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy
2. Bà Đỗ Thị A

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 05 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Đường N, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông N.N.M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Đường N, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo uỷ quyền, giấy uỷ quyền số 1121/2022/UQ-TGD ngày 30/12/2022). (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông T.Q.D, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường H, Phường N, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 05 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông N.N.M là người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/12/2014, ông D có ký với Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 127.887.502 (một trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ hai) đồng. Ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 117,493,721 (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi một) đồng.

Ngày 25 hàng tháng, ông D phải có nghĩa vụ thanh toán khoản dư nợ của kỳ trước. Nếu quá hạn của kỳ thanh toán mà ông D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ thì ông D phải chịu các khoản lãi và các loại phí theo quy định và tổng số tiền nợ của kỳ trước chuyển thành dư nợ của kỳ sau.

Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là: Các khoản phí và lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ và giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Tính đến ngày 31/8/2023, ông D còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 55.228.227 đồng
- Lãi quá hạn: 122.539.680 đồng
- Tổng cộng: 177.767.907 đồng

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/01/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông T.Q.D trả các khoản nợ 177.767.907 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 55.228.227 đồng, nợ lãi quá hạn là 122.539.680 đồng và trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2023 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, ông N.N.M, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông T.Q.D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông D không nộp tài liệu, chứng cứ

cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án, và vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T.Q.D trả các khoản nợ 177.767.907 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 55.228.227 đồng, nợ lãi quá hạn là 122.539.680 đồng và trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2023 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Giấy ủy quyền số: 2535A/2022/GUQ-PL Ngân Hàng T ủy quyền cho Công ty TNHH MTV Quản Lý Nợ Và Khai Thác Tài Sản Ngân Hàng T và Giấy ủy quyền số: 1121/2022/UQ-TGD của Công ty TNHH MTV Quản Lý Nợ Và Khai Thác Tài Sản Ngân Hàng T ủy quyền cho ông N.N.M tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ nên ông M có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông N.N.M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 55.228.227 đồng

Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: “*Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán vào trước hoặc đến ngày thanh toán*”. Tuy nhiên, ông D đã không

thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn và đầy đủ cho nguyên đơn là vi phạm những điều khoản đã cam kết.

Từ ngày 06/01/2018, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ thành tổng dư nợ quá hạn với số tiền là 55.228.227 đồng.

Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: Khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: *“Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ”*.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn trả số tiền nợ gốc 55.228.227 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ lãi là: 122.539.680 đồng.

Tại Điều 22 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ.

Kể từ 06 tháng 01 năm 2018 (ngày ngân hàng chuyển nợ quá hạn), lãi suất được tính là 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số dư nợ gốc với số tiền lãi từ ngày vi phạm đến ngày 31/8/2023 là 122.539.680 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông T.Q.D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/8/20223 là 177.767.907 (một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, chín trăm lẻ bảy) đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 55.228.227 (năm mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn, hai trăm hai mươi bảy) đồng, nợ lãi quá hạn là 122.539.680 (một trăm hai mươi hai triệu, năm trăm ba mươi chín ngàn, sáu trăm tám mươi) đồng.

Ông T.Q.D có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 01/9/2023 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất thỏa thuận Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/12/2014 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2) Về án phí dân sự sơ thẩm: 8.888.396 đồng (tám triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi sáu) đồng, ông T.Q.D chịu.

Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 4.082.040 đồng (bốn triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0035017 ngày 24/05/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4) Các đương sự có thời hạn kháng cáo đối với bản án là mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan